

Cơm cháy

Trưa cuối năm, Củ Ưống kéo chiếc xe nước ọc ạch từ Chơn Num về chợ Xà Tón. Gần Tết, trưa nắng chang chang, con đường đất đá nóng bỏng, xe chao đi khó điều khiển làm sao! Hai bên ruộng khô còn trơ lại những gốc rạ xơ xác. Củ Ưống bỏ lại sau lưng ngọn đồi đá cằn cỗi trên sườn đồi và dưới chân đồi rải rác những mô mả. Núi Chơn Num là nghĩa địa của dân làng, sang giàu hay đói rách cuối cùng ai cũng về đây an nghỉ. Trên núi có ngôi chùa Miên mái cong, tháp thoáng trong những cây đào lộn hột và cụm mai rừng, mấy người đi chặt mai về chưng Tết giờ tay chào Củ Ưống. Chiếc xe đạp đòn vòng kéo thùng nước củ kỹ màu xám, thùng nước là phi xăng cũ, trên có nắp vuông, đầy nước. Sau treo hai thùng nhỏ đập vào thùng lèn-xèn thành thứ âm thanh đều đặn quen tai.

Người Củ Ưống vốn dĩ đã nhỏ, chiếc nón chóp bằng tre đan, phết chai dày, che mưa nắng, tưởng chừng nặng hơn sức chịu đựng của đầu cổ người, nên Củ luôn luôn cúi mặt lằm lũi đi. Xe nước không tương xứng với người Củ Ưống chút nào, khó ai tưởng tượng Củ có thể kéo nổi chiếc xe nặng nề như vậy, vậy mà xe vẫn ngoan ngoãn di chuyển ngả nghiêng theo bước chân lếch thếch. Tay chân và người Củ Ưống lở trắng vì nước ăn từ năm này qua năm khác, hai chân gân guốc màu đất xám như hai khúc tre già phải chịu đựng đất khô cháy hay lầy lội bốn mùa hơn 30 năm rồi.

Ngày 30 Tết, chợ đã tan từ trưa, ai cũng lo về sớm để cúng kiến ông bà. Dân chợ nài nỉ Củ rán đồ vài đôi nước uống, học yên tâm với lu nước đầy cuối năm để nấu nướng, nên Củ Ưống nể tình cố lặn lội thêm chuyến xe nước cuối cùng này, ở nhà Củ đã có vợ con quán xuyến.

Củ Ưống không lười, nhưng mùa nắng khô hạn này cứ phải chờ cả buổi mới múc được một xe, mỗi nước rí ra dần dần mới vét được một gàu. Ngày được 4 xe là phước rồi. Củ nôn nóng kéo xe để về sớm, còn dịp nào nghỉ ngoài 3 ngày Tết đầu.

Mùa nắng, đất đá phồng chân. Chuyển vô núi, Củ thông thả đạp xe, thùng nước rỗng nhún nhảy sau lưng.

Vùng chợ Xà Tón có mấy cái giếng, nhưng nước phèn chỉ dùng để tắm giặt. Nước Chơn Num trắng đục, uống chua chua, có vị mẫn cầu xiêm. Dân làng cho rằng nước ngon nhờ xương cốt trên đồi chảy xuống tụ lại mỗi nước, nói sao cũng được, nhưng ai cũng uống nước giếng Chơn Num mà không bị chanh nước.

Gần 30 năm nay, Củ Ưống quen thuộc với con đường đá xanh này, khoảng 3 cây số từ núi vô chợ. Múc đầy thùng nước, cuộn giấy gàu treo bên xe, Củ đi vòng qua cây Năm Vô, (cây năm Vô lá mát bên bờ giếng, che mát cho người đi lấy nước) xuống con đường mòn dốc ra đường cái. Xa xa những bụi tre tầm vông xơ xác (Củ thường nói: „xưa, tr e tầm vông nhiều lắm, nhưng từ ngày Pháp tới, tre bị đốn sạch ...“) mấy cây thốt nốt cao vọi vọi chống giữa đồng. Bên trái là núi Năm Vi, bên phải cách cánh đồng, núi Cô Tô cao sừng sững huyền bí. Hai bên đường ruộng cao thay đổi từng mùa. Lâu quá không thấy bóng người phu lục lộ sửa đường cho Củ Nhờ, mà con đường này đâu có gì quan trọng, hình như con đường dành riêng cho Củ đi lấy nước Chơn Num và chiếc xe đòn có hai đầu rồng, do bác Sáu Sâm ngồi lái đưa người nằm xuống ở Chơn Num với 3 tiếng trống điểm cho những người đi sau kẻ lẻ than khóc, và 3 tiếng phèn la cáo biệt, „bà con ơi, tôi nghỉ chơi rồi nghe!“. Mỗi lần gặp xe đòn, Củ Ưống phải ngừng khá lâu cho đám người đưa đám theo sau, những cây bàn đưa trắng, cùng bao nhiêu câu: „Vĩnh du tiên cảnh“, „nhứt lạc tây thiên“, ... Con đường chạy thẳng đụng vào chân núi và mặt trời cũng lặn sau núi, người xưa khéo phóng đường này hẳn ngụ ý „nhứt lạc tây thiên“, và chọn đúng núi này làm nơi yên nghỉ cuối cùng. Mỗi chiều, mặt trời đỏ ối trước khi lặn, nắng bàng lảng nhuộm hồng đỉnh núi linh thiêng, một vùng trời tây vàng như lúa chín, người già chỉ cho con cháu, „Kìa, ma phơi lúa đó!“.

Mỗi buổi sáng, dân Miên từ các sóc quanh núi đội trái cây, gà vịt, lúa gạo ra chợ bán, Củ Ưống đạp xe ngược chiều, nên biết mặt từng người. Những bà Miên đội những om đường thốt nốt, thùng thắn trò chuyện với những ông gánh những ổng tre đựng nước thốt nốt, những bà già gán kẻo kệt từng thúng gừng, giá... ra chợ bán. Lâu rồi, Củ không thấy họ gánh khỉ, lợn nòi, chồn và thú rừng như xưa. Người ta đồn rằng khỉ bỏ núi đi rồi. Đời sắp tới, không cần vô Sóc, Củ Ưống cũng biết mùa nào có loại trái cây nào, người nào dư ăn dư mặc, hay túng thiếu, Củ thường nói: „Ngó cái xà-rông là biết rồi.“

Chuyến xe nước trưa kéo về, vừa đúng lúc Củ chào những người chợ tan trở về Sóc. Họ thanh thoi nhẹ gánh trở về với những quả bánh chợ. Ngược lại, Củ Ưống nặng nề đẩy xe ngược chiều, ai cũng lên tiếng chào „Xóc xà bai“ (mạnh giỏi). Chưa bao giờ Củ Ưống ngừng xe nói chuyện phiếm với ai cả, vì ngừng xe phải lấy cây chống cho xe khỏi nghiêng mất công và mất thời giờ, nên mạnh ai đi đường nấy, Củ không buồn nghỉ ngơi, thân thể mệt rã rời từ năm này sang năm khác.

Vừa đẩy xe, đếm từng cụm cỏ hai bên đường, mỗi khóm cây dại là mỗi mấu chốt chỉ đường, cây cỏ nhắc Củ khoảng cách từ núi tới chợ, nó cũng nhắc nhở còn bao lâu mới được nghỉ ngơi. Đám bông mắc cỡ gai góc, bông tím dễ ghét treu chọc, „ còn xa lắm mới tới chợ! „, Rặng tre tầm vông sau nhà thầy giáo Cháp, làm vơi mệt nhọc, lá tre mát ve vẩy chào đón an ủi, gần tới rồi. Tiệm nước, ở ngã tư chợ, Củ ghé đổ vài đôi, xe nhẹ hẳn đi, túi tiền không nặng hơn dù những tờ giấy bạc thấm nước và đồ mồ hôi, ghé đổ thêm vài nhà là xong. Hai đôi nước cuối cùng dành riêng cho nhà Củ Hòa, lu nước đãi những người Miên ra chợ. Dù mưa hay nắng Củ Hòa cũng đổ đầy nước. Củ Ưống xem lu nước làm phước nầy như của mình, lâu lâu Củ tự tay súc lu cho sạch, xong đâu đấy mới về nghỉ ăn cơm.

Chuyến xe nước chiều, đường thật vắng, chỉ dành riêng cho Củ, trong núi thời nào cũng vậy, sau 4 giờ ít ai dám bén mảng tới gần. Mấy ông không thù oán gì Củ đâu. Ly cà phê đen tiện Chệt Nghén đủ cảm hơi suốt buổi xế trưa oi nồng. Nắng trời cao phủ xuống, hơi nóng đất đá dưới chân bốc lên, Củ như sống trong lò lửa không lối thoát.

Chuyến xe chiều về, sức hơi kiệt, tưởng chừng Củ có thể xum bất cứ lúc nào, vậy mà Củ vẫn cặm cụi đi, một tay kèm chắc xe đạp, một tay đẩy xe nước, lắm khi cực quá, Củ Ưống cầu nhàu, nói: „ chết cho rồi cho khỏe thân! Sống cực như con trâu! „

Mùa nắng, nhiều người bắt măn kêu réo thiếu nước, trách Củ đổ không đủ. Làm cách nào hơn, sức người có hạn, nước giếng có chừng. Thỉnh thoảng, Củ Ưống đổ quạu trước những lời gay gắt của khách hàng. „ Trời mưa anh có kêu tôi đổ không? „, Trời nắng cực, trời mưa nước nhiều làm người đổ nước cực khổ hơn. Ít người kêu nước, vì hầu hết dân chợ có lu hứng nước mưa dư dùng hằng ngày, chỉ một ít nhà nghèo không đủ phương tiện mới kêu nước.

Mùa mưa dầm, gió từ núi thổi như thét gào, lạnh từ sáng đến chiều, ruộng úng nước ngập đường, Củ Ưống nhọc nhằn kéo xe đi lồm bồm, chiếc nón tre đủ che đầu, áo quần vá loang lổ, nước thấm vào người, Củ Ưống run cầm cập. Trời còn thương, Củ chưa bị bệnh hành hạ, gia đình cần cơm, dân chợ cần nước.

Năm năm qua, sức khỏe càng suy lụn, căn nhà mướn gần 30 năm trước không thấy thay đổi, chỉ thêm người, con cái lớn dần, ăn nhiều mà chưa giúp đỡ gì được cho gia đình.

Chiều cuối năm, mâm cơm cúng ông bà, nhang đã tàn, châm thêm ít rượu, Củ cầm giấy vàng mã khăn vái lăm thẳm, rồi quẹt lửa đốt, khói bay mịt mù quện với khói nhà bên cạnh. Mấy đứa con chuẩn bị đón Tết, vui với bộ quần áo mới may. Suốt năm, hôm nay nhẹ nhàng, thanh thoi nhất. Quanh đây nhiều người khốn khổ hơn, học gọi nhau ới, cãi cọ nọ nần cuối năm.

Mâm cơm dọn lên, Củ ngồi chồm hồm trên ghế ăn một mình. Củ ưỡn oải gấp đĩa mì xua nuốt xuống như nuốt nhọc nhằn. Số phận trời cho mình lãnh, biết trách ai bây giờ. Các tiệm buôn bán tính sổ cuối năm, Củ không cần lo nghĩ gì cả, nình không biết chữ, tính toán cũng không trôi. Củ uống chậm chậm ly trà chất chất, nắm gát tay trên trán. Trong đầu hiện lơ mờ hình ảnh hơn 30 năm về trước, Củ bỏ xứ ra đi, theo những người chung xứ cùng quê xuôi nam. Trước khi lên tàu, Củ mơ ước làm ăn khá, giống mơ ước của những người đi chung tàu, dư dả về thăm xóm cũ. Người đồng hương cùng lứa tuổi tới xứ này cũng nhiều. Ông Cánh xưa đẩy xe bán nước đá bào, bây giờ có tiệm cà phê lớn, ông Chiệp đẩy xe bán bánh nướng, bây giờ ở phố lâu, tiệm bánh. Tệ nhưt như Tùng Là, cũng có tiệm nhỏ ở góc chợ đỡ dầm mưa dãi nắng. Cửa biển Xua Tháo (Sán đầu) xa quá, mất hết liên lạc với bà con hương lý xưa, người lớn tuổi chắc qui tiên hết rồi. Thấy thiên hạ có năm gỏi mỡ heo về cho bà con qua ngã Hồng Kông, bà con mỗi người húp một muỗng mỡ heo, thiếu ăn vậy sao? Củ muốn gởi về một thùng quà cho bà con ăn lấy thảo nhưng ngày qua ngày, không tiền nên giả vờ quên mất. Hơn 10 năm nay, giếng nước Chun Num không còn là nguồn lợi, gia đình càng ngày càng đông, nước càng ngày càng cạn.

Ngày xưa, mỗi đôi nước 5 cắc, bây giờ mỗi đôi nước bảy chục đồng mà không đủ sống. Hàng năm, Củ lên giá vài đồng vào dịp Tết, Củ quên hàng hóa, thực phẩm, giá cả càng ngày càng cao. Chành ông Pênh và mấy người chủ tiệm tốt bụng muốn người vét giếng nước sâu cho nước nhiều hơn, nhưng những người hảo tâm nàythời không nhờ CủUống nữa, họ dùng máy bơm và xe chở nước về.

Giấc mơ về thăm hương lý, thăm bà con thân thích, Củ không buồn mơ ước, hy vọng đám con cháu khá hơn, ở hiền gặp lành. Câu châm ngôn này chưa đủ chứng minh, ít nhất trong thế hệ hiện tại. Cuối năm nay, không dư dả mua sắm thêm gì, trên bàn thờ tổ tiên, một nải chuối xanh, trái dưa hấu nhỏ héo, một đĩa quýt đào. Củ nằm cô đơn, đám con cái bắt đầu ra khỏi nhà, lú lo với bạn bè.

Củ muốn kể cho bọn nó nghe chuyện xưa vào dịp rảnh rỗi cuối năm. Để tao kể cho nghe: „Tao với thằng Cơn, thằng Xua, ai nữa kia, lâu quá quên! Bọn tao tối tối rủ nhau đi bẻ cà na trộm. Mấy đứa con gái đứng canh chừng chủ vườn cà na. Bây giờ chắc tụi nó già hết rồi. Có khi chủ vườn gặp tao, tao chạy mất, hồi nhỏ tao mạnh lắm kìa, không phải lòi thôi như bây giờ đâu!“ Cà na đen muối mặn, ăn cháo trắng ngon lắm bây ơi! „ Củ Uống lim dim, mấy mươi năm trước, Củ thấy thằng bé chạy vùn vụt qua vườn cà na, lão chủ vườn tru tréo „con ai không có cha mẹ sao, bắt được tao bẻ cổ hết! „ Củ phì cười một mình, tiếp tục: „Để tao kể nữa nghe bây“ Thằng Xôi con Củ thờ ơ, „ Thôi có bao nhiêu Chệt nói cả trăm lần - chuyện năm xưa! „ Nghe con nói, Củ Uống vẫn điều thuốc, nhấp ly trà nguội từ lâu, cụt hứng than thảm: „ Oi con cái thời nay mà!... Nước trên mái nhà chảy xuống, chớ nước có có chảy ngược lên bao giờ đâu! Thương nó mà nó có thương mình đâu, cũng may là chưa nhờ nó gì à! ”

Gác tay lên trán, lẫn lộn, bức bối, Củ âm thầm chịu đựng. Năm nay, đoàn lân Phong Khê Lũu mình, bọn võ sĩ tập thuần thực chưa? Còn đụng với xứ khác chớ. Ông Lão, trưởng đoàn lân, vờn chảo mã tấn cảnh cáo lân địch, bộ cước ông không tề đâu nghe. Lân lão râu bạc mà! Bọn lân râu đen chạm phải xá ba cái, tránh đường nhường bước. Đoàn lân Phong Khê Lưu, có bộ cước gia truyền, bộ tấn, chảo mã vờn như chân hổ, mắt lân liếc trên ghẹo lân địch, nhấp nháy trước khi leo sào cao đoạt phong pháo đỏ và phong lì xì phơ phát thách đồ trên lầu cao. Chung quanh các võ sĩ tới lui nhịp nhàng, quét những đường roi va chạm nhau chan chát. Trống chập chả, phèn la dập dồn như sấm nổ, xác pháo bay, màu hồng hoan hỷ.

Nằm trên bộ ván ngựa một mình, miệng phì phào điều thuốc vắn, Củ ngược nhìn những tấm liễn mới dán trên mấy cây cột gỗ, ổ mối bò ngòong ngoèo, chằng chịt. Mấy câu liễn mua ở chợ, màu đỏ rực, chữ kỹ xảo có hồn. Củ đọc thầm „ Hào ngữ hảo ngôn hành hảo vận, tân niên tân nguyệt phát tân tài „ Củ mỉm cười chua chát, tuyệt vọng, lâm bầm „, phát tài cá mốc xì hợ“ .

Củ gác tay che đôi mắt để khỏi thấy miếng võ sò trong chữ „, tài“ trên câu liễn. Củ xoay mình oằn oại, những chiều cuối năm như vậy, nhớ cổ hương quá, nhớ đến ngọt ngọt thời thơ ấu, chép miệng:

„Nhứt mộ hương giang hà xứ thị

Yên ba giang thượng sử nhân sầu“

Bỏ sơn thôn hương lý, tưởng nên vương tướng gì, biết vậy qua đây làm gì. Nghe mấy thằng bạn mắc dịch rủ rê, bây giờ nó khá nó có nhớ mình đâu. Kêu mấy đầu hụi, nó than túng, sợ mình tỏ tịa khôngđủ trả, vì không có sinh lợi.

Hận nhứt là lão Gia Phong Chành, ngày hàn vi chia ngọt xẻ bùi, bây giờ ngoảnh mặt, xem như người lạ, gả con cưới dâu mà không mời, quên mất chữ kim bằng. Năm nào lão cũng bô bô: „A, cảnh mai nhà quá nở rộ, năm nào cũng nở mừng một tết lấy hên! Quá mua cảnh mai nào cũng tốt, cái này, ông trời thương, ông bà độ! Cù Ưống thì gặp vận hạn, cảnh mai năm nào cũng lép rụng, ít khi nở, Cù tự an ủi: „Nghèo thì mua mai rẻ tiền, làm sao bông nở tốtđược, có tiền coi, tui bỏ bạc trăm ra mua, coi mai có nở rộ không?“.

Quanh đi quẩn lại cũng chữ nghèo, nghèo ở chợ không ai ngó tới, Cù vừa nghèo vừa khuất trong hẻm cùng này, thì ai thèm ghé. Thuốc gỏi càng hút càng cay đắng miệng. Quá khứ cũng khổ, hiện tại càng tệ, hy vọng tương lai, mà mua vé số cũng không trúng, số đuôi đánh 47 nó ra 37,đánh 81 nó ra 18.

Muốn kể cho con cái nghe chúng nó lại chê mình lú lẫn chuyện năm xưa. Thèm cà na muối quá, bùi bùi và mặn. Cù chép miệng, lẩm bầm „Mẹ họ, mấy gánh hát Tiều tới đây, ông Bang Nám không dẫn tới hát nhà mình, chê mình nghèo hớ, trời có mắt mà coi. Lẩm bầm chán, Cù Ưống than thở như người bệnh rên rĩ. Mình số phận cực từ nhỏ tới lớn, trời không thương. Cù gõ nhịp, ngón tay gầy guộc như mấy cây lạp xưởng khô, nhái lại điệu Huỳnh Mai, quanh đi quẩn lại cũng bấy nhiêu, cố nhớ mà không nhớ nổi thêm câu nào. Hay nhất là đoạn Chúc Anh Đài nhứt quyết đòi cha phải sắm xe tang vào ngày đưa dâu để trọn tình với Lương Sơn Bá, hay quá, hay quá. Cù Ưống la lớn. Điệu Huỳnh Mai Cù Ưống nghe cách đây mẩu mười năm, trên bờ hải khẩu Xua Tháo, Cù đang ôm quần áo chờ xuống tàu mệt mỏi, lo âu, nghe tiếng còi, tiếng hát, một cô bé chừng 10 tuổi hát theo tiếng đờn gáo bùng bừng bị át bởi tiếng chun người qua lại. Tiếng cô bé thật ảo não, mới 10 tuổi đầu, hát cho ai nghe? Trong cái nón rách mấy đồng tiền, khách qua lại bỏ thí chưa đủ nuôi thân nên cô bé gầy như que củi. Cô bé hát cho kiếp nghèo vất vưởng. Ông già ăn mày mù vuốt những ngón tay gầy trên sợi dây đờn gáo bén ngót. Ông mù nên không thấy ai thờ ơ qua lại, ông bị chìm trong tiếng đờn thể thiết của kẻ ăn xin. Ông già mù, cô gái bé nhỏ, tiếng đờn còn như văng vẳng đâu đây, mới hồi nãy kia, Cù nhớ rõ lắm, Cù chìm đắm trong thứ âm thanh quen thuộc bị đánh mất, bây giờ tìm lại được. Cù hát theo, Cù quơ quàu hai tay chơi vơi như Chúc Anh Đài ôm mộ Lương Sơn Bá. Tiếng hát Chúc Anh Đài cao vút, tiếng hát Cù Ưống ồ ề vỡ ngực bay lên cao, Cù hát cho kiếp nghèo. Cù tưởng mình còn đang ôm gói quần áo đứng trên bến tàu cửa biển Xua Tháo. Tiếng hát Chúc Anh Đài động tới Hoàng Thiên. Tiếng hát Cù cũng hòa chung mộtđiệu í í..

Điệu Huỳnh Mai, Cù hát chưa dứt, đưa con đi ngang nói, „ông già khùng!“ Cù Ưống càng bức dọc, không giải tởđược: „số phận cực cho tới chết vậy hè! Biết chừng nào có tiền về Tàu thăm bà con nè trời! „.

Bà vợ tình cờ đang quét dọn, phì cười góp ý: „Tại ông ăn CƠM CHẤY làm sao về Tàu được“. Cù Ưống giật mình nạt lên như hét: „Chớ có chiều nào mẹ con bày chừa cho taođược chén cơm trắng không“?

Viết thêm

Nhớ bao nhiêu viết bấy nhiêu, ngoài tôi ra thế hệ tôi không ai vô công rồi việc, buồn nhắc và tìm hiểu, dân xứ tôi cũng không ai ưa đọc chuyện bá láp này, ai cũng lo chạy gạo. Tôi viết để tự nhớ và cảm ơn thế hệđi qua, hiền hòa, cho tôi kỷ niệm vui buồn thời thơ ấu.

11 tuổi đã xa quê, trí óc còn non nớt, nghĩ hè. Càng ngày đi càng xa xứ sở, không được gần gũi lâu dàideể nghe chuyện cũ.

Ngày nay, lớn tuổi, trôi nổi, lao đao, bầm vấp, muốn về quê một lần thăm mồ mà ông cha mà không có cơ hội. Tôi nhớ và bị ám ảnh quá khứ chiêm bao đã mất. Ai cũng tốt, chân thật, ai tôi cũng thương và muốn nhắc, vì ai cũng hiền lành, mẫn ẫn ngay ngắn, đất này là hốc tì (phước địa) ai gian dối sẽ bị tàn mạt.

Xin kể thêm, dãy phố đầu chợ, từ bờ sông vô là tiệm Đức Phong (bên ngoại tôi) Vạn Trường Xuân được phòng (ông thầy thuốc ưa hát dân ca Triều Châu), tiệm bánh ông Chiệp xe (Tập Sanh) vợ chồng hút á phiện tới nghèo. Tiệm Hòa Sanh tạp hóa, ý Tư Lệnh lớn người, nói lớn tiếng, không mất lòng ai. Tiệm Vạn Đức, Đức Phước, tiệm bánh mì, tiệm bánh Đại Đức Chành, Bảo An Xương được phòng, phở bác bảy Đạo Chuối có xe đồ (hư không trật ngày, nên On, con bác sửa xe rất giỏi) sau phố đó sang lại cho Ông Cả Lol cất làm phòng ngủ, bên cạnh là lô cốt thời Tây, nay không còn.

Chợ cất năm 1906, có hai vòi rồng trên nóc, cột đá, lợp ngói, cháy năm 1970 vì chiến tranh; Đình cũng bị phá làm công viên, đầu kinh bị lấp xa thêm cả cây số. Nhắc thêm đau, mà không nhắc thể hệ sau không biết cha ông mình sống ra sau. Hình ảnh và kỷ niệm đó mất đi thì uổng.

Tôi lại nhớ miên man. Ông Lão Tám (Lão Trần) kể chuyện bên Tàu, ở bên Tàu, đàn ông được ăn cháo đặc, đi làm việc nặng ngoài đồng, đàn bà ăn cháo loãng làm việc nhẹ ở nhà. Bạn bè ở Nam Việt viết thơ về khuyên qua lập nghiệp. Cơm gạo dư dả, mùa Trung Thu, lượm trứng vịt không hết. Qua đây mới biết, dịp rằm tháng Tám, các tiệm bánh làm bánh Trung thu chỉ lấy tròng đỏ, bỏ tròng trắng, lượm không hết.

Nhớ thương tia Xối Chia, hiền hậu, mặc áo Tiều trắng, quần lãnh đen, làm ăn vừa khá, tuổi già, sắp sửa về Tàu thăm vợ lớn và con trai một lần. Vợ lớn và con trai trông ngóng gặp mặt chồng mặt cha một lần sau mấy mươi năm xa cách, chưa được mừng gặp gỡ thì tia mất.

Dân gốc Tàu đến xứ tôi lập nghiệp khá đông. Quận có bốn dãy phố đầu tiên, lợp ngói âm dương, lầu ván, cửa gỗ gài thông hồng, lát gạch tàu. Bên hông chợ có mười căn tiệm đầu lưng. Tôi nhớ không sót một hiệu tiệm. Năm 1981, tại trại ty nạn gần Tubinger, tôi gặp một thiếu phụ thông dịch viên, gốc tỉnh S. quê nội tôi. Lâu ngày bắt tin Việt Nam, tôi hăm hở hỏi thăm ngay về tỉnh S. Bà chận lại, giọng chan chất, „Tôi đi lâu quá rồi“ Từ 75 đến 81 có 6 năm mà quên quê hương mình, bà đó còn trẻ mà mắc bệnh amnesia, tôi xa quê mấy chục năm mà nhớ như in, bệnh dementia.

Năm 1998, trước tôi một thế hệ đi không còn một người.

Dân Tàu đợt đầu tiên đến lập nghiệp sống quanh chợ, buôn bán, từ đầu thế kỷ 20, nắm trọn vẹn việc thương mại. Có người thuộc từ thế hệ đầu, một số thuộc thế hệ thứ hai, còn trọng giá trị đạo đức cổ truyền. Cơ sở tinh thần là chùa ông Bồn. Người lãnh đạo là ông Bang Ứng Vĩnh Phong Chành, lớn người có ba giòng con. Ai ở Tùng Xua (Đường Sơn) qua đều được ông dắt đến từng tiệm, uống trà, xin vài hột gạo, lấy cái lộc của người đồng hương. Ai đến xứ này đều được đồng hương đùm bọc, „có cơm ăn cơm, có cháo ăn cháo“, dù là những gánh hát Tiều rã gánh, họp thành nhóm, xé trườn các tiệm buôn hát mừng, các tiệm cà phê bao cơm nước cho họ.

Ý Lèn, vợ ông hai bang Ứng mốt, làm rúng động dân Hoa kiều. Ý Lèn hiền quá, ai cũng thương, để lại thằng Tý. Ông bang Ứng cưới vợ ba, bà này lấy dao gạch đứt tay Tý. Dân hát máy hát tuồng Phạm Công Cúc Hoa ra rả, áo nảo nhứt là lúc Cúc Hoa hiện hồn về bắt chỉ cho Nghi Xuân, như lửa thêm dầu, các bà có cơ hội thối phòng cảnh mẹ ghẻ con chồng, công khai chửi đàn ông có vợ bé, sợ con mình bị hành hạ như Nghi Xuân Tấn Lực bị mù Tào thị bắt đang nắng dầm mưa chần vệt. Sự trùng hợp đó làm Tý nổi tiếng, đi ngang nhà ai cũng bị kêu vào xem vết đứt trên tay, vừa thương cảm nhắc ý Lèn, „phải còn mẹ đâu đến đời vậy!“, Chuyện nhỏ xé to, dân Tiều họp lại làm áp lực chuyện mới chấm dứt.

Tôi nhắc ông bang Ứng vì ông là người ơn của gia đình tôi. Mỗi lần có tin Việt Minh về gia đình tôi đến ngủ nhờ phố ông, cửa cây, tấn bằng những cà ròn muối, chống đạn. Năm 1945 Thổ dậy, ra Mỹ Đức lánh nạn, lúc trở về tiệm bị dọn sạch, cái nồi cái chén không còn, trời tối, ý Lèn kêu lại nấu cháo cho ăn. Trưa trưa ý Lèn thường dẫn Tỷ (con ruột) và Hạng (con của vợ lớn của con trai vợ lớn) ra chợ ngồi ăn quả. Ý thương Hạng như con ruột. Hôm đám ma ý Lèn, lúc động quan, Hạng nhào khóc ngất kêu „Má, má“ (bà, bà) bà nội ruột Hạng ở bên Tàu. Ý Lèn mất,đâu còn ai thương Hạng, nó lưu lạc lên Nam Vang mất tăm.

Giới nhà máy xay lúa, xăng dầu, vận tải, lò heo do dân gốc Tàu chủ động. Đường xe ra Long Xuyên, hàng Tân Nguyên của Xul, đường ra Châu đốc, đổ bao nhiêu bộ hiền và tài xế vì mìnđan làm giàu cho hàng Tân thành của ý Hía.

Ngoài rìa chợ, dọc theo đường ra Châu đốc hoặc ngược vào núi Tô có những ngôi nhà xây đá cổ, hầu hết gốc „thầy“, thầy ký, thầy giáo, giàu xưa, tiêu biểu là ông Hội đồng Kết, Tàu lai Miên, hiền như đất. Gia đình ông Hội đồng nắm hết quyền hành chánh và giáo dục trong quận, tất cả chưa làm mất lòng đứa con nít, sống rất trong sạch, không quan liêu hống hách, xem dân bốn phố như thân nhân, xưng hô „hia, chế củ, kiếm ... „ Tôi vẫn thường gọi ông Hộiđồng là „ông củ.“

Thêm giai cấp công chức gốc người Miên ở quanh chùa Trên tiêu biểu là ông Đốc Nâu hay nói tiếng Pháp, thầy ký Seyla, thầy Tích, thầy Khách, thầy Hoạch, thầy Kul, cô giáo Ni, thầy Xét.... giadinh họ lên Nam Vang có người làm Tỉnh trưởng.

Trường Miên tổ chức chặt chẽ, có tới lớp Nhứt, lâu đời, học sinh giỏi tiếp tục lên Nam Vang học rồi ở luôn không về. Trường Tiểu khi mở khi đóng bất thường. Trường Phước Kiến ngưng hoạtđộng, còn lại tòa nhà cũ.

Tôi không quên nhắc những người dân Miên nghèo sống quanh các ngôi chùa trong Sóc dọc theo chân núi, thật thà, sợ tội, ưa làm phước. Bao nhiêu thế hệ đi qua không lưu lại dấu vết gì. Ông Tà Ni đập chó, tiếng là ác, ông đập chó để đổi lấy miếng cơm và ly rượu công xi. Con Diên chợ Xà Tón năm 1950, tiếng là diên, sống nhờ miếng cơm dư của thiên hạ. Ác như ông Tà Ni,diên như con Diên mà vô hại, không ai ghét. Khôn như quan một Sứ, bắt người kháo của, Nội an Bốn cho thuộc hạ vô Sóc lừa bò, hai người này gốc gác ở xứ khác.

Tôi không biết nhiều về xóm dọc bờ kinh, nhà nào cũng có bàn Thông Thiên, một lon cặm nhang, một bình bông trang và ba chung nước cúng trời đất. Họ có đạo tâm, giữ gìn giá trị đạo đức tuyệtđối, nhẫn nhục và an phận. Mưu sinh ra sao không rõ.

Có khoảng vài gia đình theo Thiên Chúa Giáo gốc củ lao Ven, sống ở đầu kinh, bắt trần dưới bụng bán cho người lột da, bán thịt bán mật,đi lễ ở nhà thờ cất sát bên thành lính Tây. Thành lính Tây sau này làm Chi khu, rồi bị phá làm rạp hát, một „cuộc hí trường“.

Trước năm 1960, đầu kinh ở sát đường dọc theo hông chợ phía đông, tàu lồng cu, xà lan và ghe chài, ghe nôi đậu nghet bờ kinh rộng. Ngày nay (1975) kinh bị lấp dần cả hơn cây số, nhà cửa cất san sát choáng hết đất.

Gia đình tôi bắt đầu ở Sóc, dời lên chợ, sang lại tiệm tạp hóa của Chệt Chiêu, tiền vay bạc của Khánh An thành, sau chuyển sang „thí hụi“ bán đồ sắt.

Năm 1954, Ngô Đình Diệm cấm Hoa kiều mấy chục nghề, ông già tôi bỏ giấy Minh hương nhập Việt tịch, cuộc sống không thay đổi gì. Ông là dân tỉnh xa, bỏ xứ đênđây lập nghiệp, ảnh hưởng chút ít văn hóa Pháp.

Ông chăm chỉ làm ăn nuôi con, muốn con đi học hơn là buôn bán, khoảng thời gian đầu với đủ thứ áp lực của Xếp lùn, thẳng cha „Tây Răng“, phú lịch Miên, lính kín, Việt Minh, sự nhịn nhục sợ hãi ông ảnh hưởng nặng

nề nếp sống tâm lý tôi, thấy ai ở quê tôi cũng sợ, nhút nhát đến độ ít dám mở miệng. Ông bảo vệ tôi như đứa bé lên mười ngu ngốc, sợ người gạt gẫm dụ dỗ làm khó dễ tôi. Hầu hết bạn bè gốc Tàu đều là lính kiềng, hoặc lo tiền hoãn dịch, ở xa về lén lút tránh tai mắt. Tôi nhịn nhục tới đờ đẫn ngơ ngáo. Hôm đám cưới Nhên, tôi ngồi khép nép với những tên bạn học cũ, cách xa bàn chức sắc và đám giáo lá. Thiếu úy L. gốc địa phương, trưởng ban gì đó của Chi khu bước tới, những đôi mắt lo lắng giùm tôi, hấn vỗ vai tôi, cười nửa miệng „Hia mới về hả, nhậu đã đi, tôi không khó dễ gì đâu, dân xứ sở mà! „ Tôi chưa phản ứng gì thì hấn đã quay lưng. Bàn tự nhiên mất vui, mấy tên bạn muốn dặn dò tôi điều gì mà ngái ngái. Saudó nghe nói nhà tôi biểu hấn hai chai Martial (giống tên Martel).

Lâu lắm mới biết hấn nhắc tôi phải biết điều như đám thằng Sóc Khiêm, thằng Tỷ. Rủi cho tôi vì sự ngu dốt không hiểu ngụ ý hấn, làm ở nhà tốn cặp rượu, nếu ngay lúc đó tôi thông minh hiểu ý, thì chắc hấn ăn ghé lên đầu, ông già tôi sẽ điên lên vì sợ.

Việc buôn bán càng phát đạt, tiền vô tiền ra dồi dào, con cái lớn yên ổn, đi xa, có đứa đi nhảy dù, tử trận ở Hạ Lào. Chánh quyền địa phương hết làm khó dễ, nên ông bớt bị áp lực, tinh thần thoải mái hơn, giới thương mại có thể dùng tiền mua chuộc giới cầm quyền. Ông ủng hộ thành lập trường Tiểu, cho vài đứa con trở lại học chữ Tàu. Mấy đứa con cười ngửa nghiêng nghe tin ông đắc cử Hội trưởng Hội Phụ huynh Trung học quận. Mỗi tuần ở nhà chừng hai ngày, thời giờ đâu làm việc, ông trả lời tỉnh bơ, „tao ký tên thôi“. Lớn lên tôi đi làm xa, coi như yên một đứa, sự liên hệ tình cảm cha con lợt lạt, đối thoại khó khăn. Mỗi lần Tết về quê, ông gián tiếp cằn nhằn bà già, ép tôi lập gia đình với con chủ vừa trái cây ở Chợ Lớn, con tiệm vải, tiệm tạp hóa, „biết mầnăn, lời một ngày bằng cả tháng lương thầy giáo“.

Sáng sớm mùng hai Tết năm 1975, tôi xách gói đi xe tải nhứt để kịp lên Sài Gòn lo hồ sơ xin thông hành xuất ngoại. Ông nằm ngủ nướng trong mừng, nói vói theo, dặn lên Sài Gòn cần tiền cứ mượn thân nhân rồi ông gởi trả sau. Đó là lời trấn trời dặn dò cuối cùng. Những ngày khốn đốn vì Cộng Sản, con đi tứ tán, ông đi quanh quẩn ở nhà, hứng chí thì hát Tiểu một mình, bạn bè tới ngồi chơi, nhắc tới con cái, ông thở dài than, „xa xua, lật hái chiệt hun tì“, tam sơn lục hải nhứt phần địa, núi ba phần, biển sáu phần, đất chỉ là phần nhỏ. Xa xăm quá. Những ngày cuối cùng, ông chống gậy lên núi Chưm Phnum tìm chỗ nằm theo hướng phong thủy. Ngày nhắm mắt ước ao thấy mặt con lần cuối. Nhứt lạc Tây thiên, mặt trời lặn ở hướng tây. Bao nhiêu năm nay, nằm bơ vơ trên sườn núi, bấy con lưu lạc chưa đứa nào có ý định xên mền, thanh minh, về dầy cỏ, lợp mả cúng heo quay, viếng ký do bạn làm việc nuôi con, trả nợ mua nhà, đứa này nạnh đứa kia, „kê کیا ký xí pê“ (con đông đôi chết cha). Bạc phước!

Để lại cho con, Lưu Linh Kiwi